TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 03/2023/HSST
Ngày 20/02/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Ngọc Diễm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Hoàng Long.
2. Bà Võ Thị Kim Son
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn N - Kiểm sát viên cao cấp và bà Huỳnh Thị Bích L, kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn C;** Giới tính: nam; Sinh ngày 19/9/1967, tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký thường trú: ấp TTA, xã TrT, huyện TL, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, thành phố Cần Thơ; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị Ủy ban kiểm tra huyện TL xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ Đảng; Con ông: Trần Văn H (đã chết); Con bà: Ngô Thị Đ (đã chết); Gia đình có 8 anh chị em; Vợ: Đỗ Thị E, sinh năm 1966; Con: Trần Đức Tr, sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TL, thành phố Cần Thơ từ ngày 13/5/2022 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Nguyễn Thị Ngọc T;** Giới tính: nữ; Sinh ngày 01/05/1975, tại thành phố Cần Thơ; Nơi đăng ký thường trú: ấp TBA2, xã ThT, huyện TL, thành phố Cần Thơ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Thủ quỹ - Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, thành phố Cần Thơ; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị Ủy ban kiểm tra huyện TL kỷ luật bằng hình thức khai trừ Đảng; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1949; Con bà: Trần Thị Đ (đã chết); Gia đình có 07 anh chị em; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TL, thành phố Cần Thơ từ ngày 13/5/2022 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* **Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, thành phố Cần Thơ.**

Địa chỉ: ấp ThTh B, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

Đại diện uỷ quyền: ông **Võ Đình L, sinh năm 1982** – Chức vụ: Phó Chi Cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện TL, thành phố C Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Trần Văn C1**, sinh năm 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Số 80 ấp THA, xã ThT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

2/ Ông **Phạm Thành D**, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TBB, xã ThT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà **Đặng Thụy T1**, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 11D, đường NNT, phường XK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: ấp PQ1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: khu vực TTr, phường PT, quận OM, thành phố Cần Thơ *(Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Định Thành,Cục C10, Bộ Công An).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2018, Nguyễn Thị Ngọc T báo cáo với Trần Văn C về việc quỹ đơn vị đã hết nên Trần Văn C đã bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Thị Ngọc T rút số tiền 242.551.375 đồng là tiền thi hành án của ông Phạm Thành D nộp trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Cần Thơ để sử dụng cá nhân, khi có nguồn kinh phí bổ sung năm mới thì sẽ hoàn trả. Để rút được tiền, ngày 05/12/2018, Trần Văn C chỉ đạo Nguyễn Thị H là Kế toán làm thủ tục đóng tài khoản số 1807 630 000 487, rút số tiền là 245.237.975 đồng (gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh trong thời hạn gửi tiền) tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện TL và lập Ủy nhiệm chi cho Nguyễn Thị Ngọc T rút toàn bộ số tiền này và giao cho T quản lý. Ngày 11/12/2018, Trần Văn C tiếp tục chỉ đạo Nguyễn Thị H lập Phiếu chi số PC97 với nội dung chi trả số tiền 245.237.975 đồng cho bà Đặng Thụy T1 theo Quyết định thi hành án số 647 ngày 01/7/2014 và đưa Phiếu chi này cho T. Nguyễn Thị Ngọc T mang đến nhà bà Đặng Thụy T1 nhờ ký vào Phiếu chi với lý do để hoàn chỉnh hồ sơ thi hành án. Sau đó, Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục lập Giấy đề nghị chi tiền ngày 11/12/2018 có nội dung: chi số tiền 245.237.975 đồng cho bà Đặng Thụy T1 rồi kẹp lẫn vào các chứng từ khác trình cho Chấp hành viên Trần Văn C1 ký. Chấp hành viên C1 không kiểm tra nên không phát hiện và đã ký tên vào Giấy đề nghị chi tiền này. Sau khi hợp thức hóa được hồ sơ chi cho bà T1, Trần Văn C giao cho Nguyễn Thị Ngọc T quản lý toàn bộ số tiền 245.237.975 đồng và chi tiêu cá nhân theo chỉ đạo của mình. Nguyễn Thị H là Kế toán cơ quan thực hiện lập chứng từ rút số tiền này theo sự chỉ đạo của Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T nhưng không biết mục đích sử dụng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận do cần tiền sử dụng cá nhân nên đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 245.237,975 đồng do ông Phạm Thành D nộp để thi hành án cho Ngân hàng TMCP Đông Á-Chi nhánh Cần Thơ.

Bản Cáo trạng số 815/CT-VKSTC-V6 ngày 30/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T về tội *"Tham ô tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu luận tội: vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

Đề nghị:

+ Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn C** từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T** từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 245.237.975 đồng. Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền tham ô. Bị hại không yêu cầu thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

+ Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T đã bàn bạc, thống nhất lập tài liệu khống để hợp thức rút số tiền 245.237.975 đồng là tiền thi hành án của ông Phạm Thành D nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện TL do bị cáo C là chủ tài khoản theo quy định pháp luật có trách nhiệm quản lý để thi hành án cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh C Thơ, để sử dụng cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tham ô tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức Nhà nước nói chung và đặc biệt là uy tín của Cơ quan Thi hành án Dân sự nói riêng. Việc làm của các bị cáo đã làm giảm lòng tin của nhân dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội về tình hình tội phạm liên quan đến chức vụ trong thời gian gần đây mà nổi cộm là tội phạm về tham nhũng của những người có chức vụ được Nhà nước và Nhân dân tin tưởng giao phó. Các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lợi ích cá nhân mà vẫn bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật của mình.Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm

tội của các bị cáo để cải tạo các bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong vụ án này, bị cáo C giữ vai trò chính, quyết định. Bị cáo T có vai trò là đồng phạm thực hành và giúp sức tích cực cho bị cáo C.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Trần văn C và Nguyễn Thị Ngọc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả (Ngày 08/11/2021 bị cáo T đã nộp lại số tiền 242.551.375 đồng. Ngày 08/02/2023 bị cáo C tác động người thân nộp khắc phục số tiền lãi còn lại là 2.686.600 đồng); Trong quá trình công tác, các bị cáo có thành tích và được nhiều bằng khen của Bộ trưởng Bộ tư pháp, thủ tướng chính phủ, nhiều năm liền đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Đối với hành vi của chấp hành viên Trần Văn C1 không biết việc các bị cáo C và T rút và chi xài số tiền thi hành án nêu trên, không đủ cấu thành tội phạm nên không xử lý là đúng.

[7] Đối với kế toán Nguyễn Thị H, có hành vi lập các chứng từ theo sự chỉ đạo của bị cáo C nhưng không biết và không tham gia việc rút tiền cũng như chi xài đối với số tiền thi hành án nêu trên, nên không đủ cấu thành tội phạm nên không xử lý là đúng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 245.237.975 đồng. Các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã tham ô, bị hại đồng ý nhận và không yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với tài liệu thu giữ liên quan đến việc rút số tiền 245.237.975 đồng, tiếp tục quản lý kèm theo hồ sơ.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T phạm tội *"Tham ô tài sản".*

1.1 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn C. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/5/2022.

1.2 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo. Buộc các bị cáo bồi thường 245.237.975 cho Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Bị hại được nhận toàn bộ số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục (số tiền 245.237.975 đồng tại giấy nộp tiền ngày 08/11/2021 do Nguyễn Thị Ngọc T nộp vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự huyện TL và số tiền 2.686.600 đồng theo biên lai thu tiền số 0005073 ngày 08/01/2023 do người thân bị cáo C nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo Trần Văn C và Nguyễn Thị Ngọc T, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP. C Thơ;
- Phòng hồ sơ, nghiệp vụ CA TPCT;
- Sở tư pháp TP. C Thơ;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS H. TL;
- TAND TP. C Thơ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm